

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẦU GIẤY
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **14/2025/DSST**

Ngày: 09/5/2025

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
hợp tác*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Trung Hà

2. Bà Nguyễn Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Kim Yến - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy tham gia phiên tòa:

Ông Đinh Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số: 42/TLST- DS ngày 20/02/2025 về: “*Tranh chấp hợp đồng hợp tác đầu tư*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2025/QĐXX-ST ngày 25 tháng 03 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2025/QĐST-HPT ngày 18/4/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thu H, sinh năm 1991

CCCD số: 034191008320 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 13/3/2022

Nơi thường trú: T, T, Thái Bình

Địa chỉ liên hệ: Phòng 803, chung cư C Bộ C1, phường N, quận L, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty L

Trụ sở: Hồ N, H, thị trấn V, huyện Ú, TP Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Ba Đ - chức danh: Giám đốc

Công ty L có quyết định cử số 34/2025 ngày 3/3/2025 cử ông Hà Quang C làm người đại diện theo Ủy quyền của bà Bùi Thu H

Theo Hợp đồng ủy quyền số 0103/2024/HĐUQ-SJKLAW ngày 17/10/2024 và Quyết định cử số 34/2025 ngày 3/3/2025 của Giám đốc Công ty L)

Ông C có mặt tại phiên tòa

- Bị đơn: Công ty cổ phần B1

Trụ sở: Số I, tổ D phường Q, quận C, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: A14 ngõ B H, phường C, quận N, Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1981- Chức vụ: Tổng giám đốc

CCCD số: 027081000364 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 08/12/2021

Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố 1, phường Phú La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

Địa chỉ: Phòng 2907 V2 Chung cư Victoria, phường Phú La, quận Hà Đông, Hà Nội.

Vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn trình bày như sau:***

Trong quá trình hợp tác làm ăn kinh doanh, sau khi thỏa thuận và thống nhất, ngày 13/12/2022, bà Bùi Thu H và Công ty Cổ phần B1 (sau đây gọi là Công ty B1) do người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Văn T tiến hành ký kết hợp đồng hợp tác về việc đầu tư phát triển hoạt động kinh doanh số 366/1312/2022/HTDT2/BGC. Việc ký kết hợp đồng được bà H và ông T ký kết, sau đó đóng dấu pháp nhân của Công ty B1.

Theo hợp đồng, hai bên thực hiện hợp tác, đầu tư để phát triển các dự án ương mầm do Công ty B1 đầu tư và triển khai, thời hạn hợp tác được thỏa thuận tại hợp đồng là 24 tháng kể từ ngày 13/12/2022 đến ngày 13/12/2024. Các bên thỏa thuận số vốn hợp tác đầu tư là 50.000.000VNĐ (Năm mươi triệu đồng), bà H đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ chuyển toàn bộ phần vốn góp theo thỏa thuận cho ông T. Hết thời hạn của hợp đồng hợp tác được xác định là ngày 13/12/2024, do bà H không có nhu cầu thực hiện gia hạn hợp đồng nên không thực hiện việc thông báo gia hạn hợp đồng, hợp đồng sẽ tự động thanh lý theo thỏa thuận. Đồng thời, tại khoản 8.4, Điều 8 của hợp đồng quy định, trong vòng 15 ngày làm việc ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ phải hoàn lại tiền vốn và hoàn tất các quyền và nghĩa vụ đã được thỏa thuận.

Tuy nhiên, kể từ thời điểm hết thời hạn hợp đồng, bà H đã nhiều lần yêu cầu ông Nguyễn Văn T thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ phần vốn góp và lợi nhuận theo thỏa thuận cho bà nhưng ông T không phản hồi, không thực hiện nghĩa vụ của mình. Tổng số tiền mà Công ty là B-đại diện là ông Nguyễn Văn T phải thực hiện thanh toán cho bà H khi hết thời hạn hợp đồng, tạm tính đến 13/12/2024 là 65.000.000VNĐ (Sáu mươi lăm triệu đồng). Trong đó, 50.000.000VNĐ (Năm mươi triệu đồng) là số tiền vốn góp, 15.000.000VNĐ (Mười lăm triệu đồng) là lợi nhuận 24 tháng theo quy định tại khoản 6.1, Điều 6 của hợp đồng hợp tác.

Việc không thực hiện thanh toán cho bà H số tiền vốn góp, và lợi nhuận trong quá trình hợp tác kinh doanh của Công ty B1-đại diện là ông Nguyễn Văn T đã vi phạm các thỏa thuận tại hợp đồng, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H.

Tại đơn khởi kiện ngày 20/01/2025 bà H đề nghị Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xem xét, giải quyết các nội dung sau:

1. Buộc Công ty B1 (Mã số thuế 0106646410) thanh toán toàn bộ số tiền vốn góp theo hợp đồng số 366/1312/2022/HTDT2/BGC là 50.000.000V/ND (Năm mươi triệu đồng).

2. Buộc Công ty B1 (Mã số thuế 0106646410) thanh toán số tiền lợi nhuận hợp tác trong 24 tháng số tiền 15.000.000VNĐ (Mười lăm triệu đồng), theo thỏa thuận tại hợp đồng số 366/1312/2022/HTDT2/BGC.

3. Buộc Công ty B1 (Mã số thuế 0106646410) thanh toán số tiền phạt vi phạm hợp đồng 8% giá trị hợp đồng số tiền là 4.000.000VNĐ (Bốn triệu đồng).

Tổng số tiền mà bà H yêu cầu Tòa án buộc Công ty B1 (Mã số thuế 0106646410) phải thanh toán cho bà H tạm tính đến ngày 13/12/2024 là 69.000.000VNĐ (Sáu mươi chín triệu đồng).

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các Văn bản tố tụng cho Công ty CP B1 và người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Nguyễn Văn T, triệu tập đến Tòa án tham gia tố tụng. Tuy nhiên, người đại diện theo pháp luật của Công ty không đến Tòa án và không ủy quyền cho người khác đến tham gia tố tụng, không gửi Văn bản nêu ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như giao nộp các tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

*** Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày và khẳng định ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án như sau:**

Thứ nhất: Đối với tổng số tiền gốc góp vốn là 50.000.000VND (Năm mươi triệu đồng)

Ngày 13/12/2022, sau khi thỏa thuận và thống nhất, bà H và ông Nguyễn Văn T- đại diện Công ty Cổ phần B1 cùng ký kết hợp đồng hợp tác về việc đầu tư phát triển hoạt động kinh doanh số 366/1312/2022/HTDT2/BGC. Việc ký kết hợp đồng này được bà H và ông T ký kết, sau đó đóng dấu pháp nhân của Công ty B1.

Sau một thời gian thực hiện hợp đồng, việc giải quyết các quyền lợi của Công ty Cổ phần B1 cho bà H chưa được thực hiện theo thỏa thuận, nên bà H có mong muốn được kết thúc hợp tác, thanh lý sau khi hết hạn hợp đồng (ngày 13/12/2024). Bà H nhận được văn bản số 06/TB-BBG về việc Thanh lý Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 366/1312/2022/HTDT2/BGC, đề ngày 12/12/2024. Tuy nhiên, bà H không đồng ý với các đề xuất của công ty. Theo quy định tại khoản 8.4, Điều 8 của hợp đồng, trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt hợp đồng, Công ty B1 – thông qua ông Nguyễn Văn T – có nghĩa vụ hoàn trả vốn góp và giải quyết toàn bộ quyền lợi tài chính cho bà H.

Vậy, theo thỏa thuận của các bên và căn cứ theo các quy định của pháp luật, Công ty cổ phần B1-đại diện là ông Nguyễn Văn T phải thực hiện hoàn trả toàn bộ phần vốn góp số tiền là 50.000.000VNĐ (Năm mươi triệu đồng).

Thứ hai: Đối với khoản lợi nhuận

Căn cứ theo quy định tại khoản 6.1, Điều 6 của hợp đồng hợp tác về việc đầu tư phát triển hoạt động kinh doanh số 366/1312/2022/HTDT2/BGC, ngày 13/12/2022. Xét thấy, việc thỏa thuận về lợi nhuận của hai bên tại hợp đồng được thực hiện không trái với quy định của pháp luật, không vi phạm đạo đức

xã hội. Hơn nữa, bà H không vi phạm bất cứ điều khoản nào ghi nhận tại hợp đồng. Do đó, bà H có đủ các điều kiện để được hưởng phần lợi nhuận 24 tháng theo thỏa thuận của hai bên là 15.000.000VNĐ (Mười lăm triệu đồng).

Vậy, buộc Công ty cổ phần B1 phải thanh toán khoản lợi nhuận là 15.000.000VNĐ (Mười lăm triệu đồng).

Thứ ba: Đối với phạt vi phạm hợp đồng

Tại hợp đồng hợp tác về việc đầu tư phát triển hoạt động kinh doanh số 366/1312/2022/HTDT2/BGC, ngày 13/12/2022, các bên thỏa thuận tại khoản 8.4, Điều 8 như sau: “Hoàn lại tiền Vốn Hợp Tác Đầu Tư còn lại khi Hợp đồng chấm dứt theo đúng quy định và Hai Bên hoàn tất quyền và nghĩa vụ được thỏa thuận trong Hợp đồng trong 15(mười lăm) Ngày làm việc”.

Đồng thời, tại khoản 10.2, Điều 10 quy định “Trong trường hợp bất kỳ Bên nào chấm dứt Hợp Đồng trước hạn trái với quy định và/hoặc vi phạm bất cứ điều khoản nào theo quy định tại Hợp đồng này, bất kể có dẫn đến việc chấm dứt Hợp Đồng trước hạn hay không, Bên đó sẽ phải hoàn trả tất cả các khoản tiền và quà tặng đã nhận từ Bên còn lại (nếu có, trong trường hợp Bên B vi phạm Hợp Đồng), chịu phạt 08% giá trị Hợp Đồng theo quy định của Pháp Luật và bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế Bên bị vi phạm phải gánh chịu do hành vi của Bên vi phạm”.

Như vậy, Công ty cổ phần B1 đã vi phạm điều khoản 8.4 tại hợp đồng do hết thời hạn 15 (mười lăm) ngày nhưng vẫn không thực hiện hoàn lại tiền vốn cho bà H. Do đó, Công ty cổ phần B1 buộc phải thanh toán cho bà Hằng số tiền phạt vi phạm tương ứng 8% giá trị hợp đồng là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

Như vậy, tôi kính đề nghị Toà án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xem xét, buộc Công ty Cổ phần B1 - đại diện là ông Nguyễn Văn T thực hiện thanh toán toàn bộ số tiền là **69.000.000VNĐ** (Sáu mươi chín triệu đồng) cho bà Bùi Thu H. Buộc bị đơn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự kể từ ngày 10/5/2025 cho đến khi thi hành án xong.

*** Đại diện bị đơn Công ty cổ phần B1 vắng mặt tại phiên tòa, không có ý kiến trình bày.**

*** Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm:**

- Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng, thời gian chuyển hồ sơ để Viện kiểm sát nghiên cứu là đúng với quy định của pháp luật. Về thời hạn giải quyết: đúng hạn theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

- Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận

định:

[1]. Về tố tụng:

* Do bà Bùi Thu H là cá nhân tham gia góp vốn nên xác định đây là vụ án dân sự và quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về Hợp đồng hợp tác đầu tư. Về thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Công ty cổ phần B1 có trụ sở tại số I, tổ D phường Q, quận C, thành phố Hà Nội do vậy căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

* Người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần B1 không đến Tòa án tham gia tố tụng và không cử người đại diện tham gia tố tụng, Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng người đại diện của Công ty vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với Công ty cổ phần B1

[2]. Về nội dung:

Theo các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp thể hiện:

* Ngày 13 tháng 12 năm 2022, giữa Công ty cổ phần B1 (Gọi tắt là bên A) và bà Bùi Thu H (Gọi tắt là bên B) có giao kết Hợp đồng hợp tác về việc đầu tư phát triển hoạt động kinh doanh số: 366/1312/2022/HTDT2/BGC. Nội dung cụ thể của hợp đồng:

+ *Nội dung hợp tác (Điều 3): Bên B đồng ý hỗ trợ, hợp tác với bên A và bên A đồng ý nhận và quản lý phần Vốn hợp tác đầu tư của Bên B bằng phương thức hợp tác đầu tư để phát triển các dự án ương mầm do bên A đầu tư và triển khai nhằm hướng tới phân chia lợi nhuận, kết quả kinh doanh đạt được theo thỏa thuận tại Hợp đồng này phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan. Sau khi nhận được vốn hợp tác đầu tư của bên B, bên A có toàn quyền quyết định và lựa chọn đầu tư vào các doanh nghiệp/ dự án tiềm năng dựa trên phần vốn hợp tác đầu tư của bên B. Bên A cam kết và đảm bảo bên B sẽ hưởng các quyền lợi về đầu tư như quy định tại Điều 5*

+ *Thời hạn hợp tác (Điều 4): Thời gian hợp tác là 24 (hai tư) tháng kể từ ngày 13/12/2022 đến ngày 13/12/2024.*

Gia hạn hợp đồng: Trong vòng 1 tháng trước khi kết thúc thời hạn hợp đồng, các bên có thể thỏa thuận gia hạn thời hạn hợp tác và được ghi nhận tại Phụ lục hợp đồng

+ *Vốn hợp tác đầu tư (Điều 5): Vào ngày ký kết hợp đồng này, bên B đồng ý chuyển một khoản đầu tư cho bên A bằng đồng Việt Nam để thực hiện mục đích hợp tác kinh doanh... Bên B sẽ hợp tác đầu tư cùng Bên A với vốn hợp tác đầu tư là: 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng.*

+ *Phân chia lợi nhuận hợp tác (Điều 6): Trong suốt thời hạn hợp đồng, bên B được hưởng một khoản lợi nhuận hợp tác cố định tương ứng với số vốn hợp tác đầu tư đã nêu tại Điều 5 hợp đồng này với tỷ lệ là 15%/01 năm (Bằng chữ: Mười lăm phần trăm mỗi năm) (Trên cơ sở tính một năm bằng 365 ngày), được tạm tính như sau:*

Năm 1: lợi nhuận hợp tác 7.500.000 đồng

Năm 2: lợi nhuận hợp tác 7.500.000 đồng

Tổng: 15.000.000 đồng

+ *Quyền lợi và trách nhiệm của bên A (Điều 8): Phân chia đúng hạn và*

đầy đủ lợi nhuận hợp tác đã thương thảo và quy định trong Hợp đồng (khoản 8.3); H1 lại tiền vốn hợp tác đầu tư còn lại khi Hợp đồng chấm dứt theo đúng quy định và hai bên hoàn tất quyền và nghĩa vụ được thỏa thuận trong Hợp đồng trong 15 (mười lăm) ngày làm việc (khoản 8.4).

+*Hiệu lực và chấm dứt hợp đồng (Điều 10): Trong trường hợp bất kỳ Bên nào chấm dứt Hợp Đồng trước hạn trái với quy định và/hoặc vi phạm bất cứ điều khoản nào theo quy định tại Hợp đồng này, bất kể có dẫn đến việc chấm dứt Hợp Đồng trước hạn hay không, Bên đó sẽ phải hoàn trả tất cả các khoản tiền và quà tặng đã nhận từ Bên còn lại (nếu có, trong trường hợp Bên B vi phạm Hợp Đồng), chịu phạt 08% giá trị Hợp Đồng theo quy định của Pháp Luật và bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế Bên bị vi phạm phải gánh chịu do hành vi của Bên vi phạm (khoản 10.2 Điều 10)*

Ngoài ra, hai bên còn thỏa thuận về thỏa thuận lợi nhuận, tài sản bảo đảm, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên, hiệu lực và chấm dứt hợp đồng, bảo mật thông tin, bất khả kháng, điều khoản chung...

Nhận thấy, về hình thức và nội dung của Hợp đồng như đã nêu trên đều tuân thủ về hình thức, nội dung không vi phạm điều cấm, hai bên tự nguyện giao kết, đảm bảo không trái quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực đối với các bên.

Về việc thực hiện Hợp đồng:

Tại Tòa án nguyên đơn trình bày: Sau khi giao kết hợp đồng bà Bùi Thu H đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ chuyển toàn bộ phần vốn góp theo thỏa thuận là 50.000.000 VNĐ cho ông T. Hết thời hạn của Hợp đồng hợp tác do các bên không có nhu cầu gia hạn hợp đồng nên Hợp đồng tự động thanh lý theo thỏa thuận. Theo quy định tại khoản 8.4 của Điều 8 Hợp đồng trong vòng 15 ngày bị đơn phải hoàn lại tiền vốn hợp tác đầu tư còn lại khi Hợp đồng chấm dứt theo đúng quy định. Tuy nhiên đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán cho bà H bất kỳ khoản tiền nào.

Đại diện bị đơn không đến Tòa án theo Giấy triệu tập của Tòa án, không gửi ý kiến và các tài liệu chứng cứ cho Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, tuy nhiên qua các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp có cơ sở xác định bà Bùi Thu H đã chuyển toàn bộ phần vốn góp theo thỏa thuận là 50.000.000 VNĐ cho ông T như các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

* Đối với yêu cầu của bà H buộc Công ty cổ phần B1 thanh toán toàn bộ số tiền vốn góp là 50.000.000 VNĐ và số tiền lợi nhuận hợp tác trong 24 tháng tính đến ngày 13/12/2024 là 15.000.000 VNĐ. Căn cứ Điều 4, Điều 6; khoản 8.4 Điều 8 của Hợp đồng hợp tác về việc đầu tư phát triển hoạt động kinh doanh số: 366/1312/2022/HTDT2/BGC ngày 13/12/2022 được ký kết giữa bà H và Công ty cổ phần B1, Hội đồng xét xử thấy Công ty cổ phần B1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, các yêu cầu khởi kiện của bà H phù hợp với các quy định của pháp luật và phù hợp với các điều khoản của hợp đồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, buộc Công ty cổ phần B1 phải trả cho bà H các khoản tiền thanh toán sau:

- Số tiền vốn hợp tác đầu tư gốc: 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng
- Số tiền lãi trong thời hạn hợp đồng từ ngày 13/12/2022 đến 13/12/2024:

15.000.000 (mười lăm triệu) đồng

* Đối với yêu cầu của bà H buộc Công ty cổ phần B1 thanh toán số tiền phạt vi phạm hợp đồng bằng 8% giá trị hợp đồng với số tiền 4.000.000 đồng. Căn cứ khoản 10.2, Điều 10 của Hợp đồng, HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà H, buộc Công ty cổ phần B1 phải trả cho bà H số tiền phạt vi phạm hợp đồng là 4.000.000 đồng.

Tổng cộng các khoản tiền gốc, lãi, phạt vi phạm hợp đồng Công ty Cổ phần B1 phải thanh toán cho bà H là **69.000.000VNĐ** (Sáu mươi chín triệu đồng)

Buộc Công ty Cổ phần B1 phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự kể từ ngày 10/5/2025 cho đến khi thi hành án xong.

[3]. Về án phí và quyền kháng cáo:

[3.1]. Về án phí: Công ty cổ phần B1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Bùi Thu H không phải chịu án phí.

[3.2]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 468; 504; 505; 507 và 512 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thu H đối với Công ty cổ phần B1. Buộc Công ty cổ phần B1 phải trả cho bà Bùi Thu H:- Số tiền vốn hợp tác đầu tư gốc: 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng- Số tiền lãi trong thời hạn hợp đồng từ ngày 13/12/2022 đến 13/12/2024: 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng- Số tiền phạt vi phạm hợp đồng là 4.000.000 (Bốn triệu) đồng

Tổng cộng các khoản tiền gốc, lãi, phạt vi phạm hợp đồng Công ty Cổ phần B1 phải thanh toán cho bà H là **69.000.000VNĐ** (Sáu mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty cổ phần B1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành án xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự

2. Về án phí:

Công ty cổ phần B1 phải chịu 3.450.000 VND (Ba triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Bùi Thu H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả là bà Bùi Thu H số tiền 1.725.000 đồng (Một triệu, bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0046994 ngày 19/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cầu Giấy.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKS ND quận Cầu Giấy;
- Tòa án nhân dân TP Hà Nội
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án quận Cầu Giấy
- Lưu hồ sơ

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Thảo